

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 88, 91, 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Phiếu kết quả phân tích ADN số No.: KQ 2104061 ngày 19/3/2022 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền (Gentis);

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 618/2021/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “Xác định cha cho con”.

**XÉT THẤY**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1984

Nơi thường trú: số nhà A, khu D, tổ X, thị trấn N, huyện H, tỉnh C, nơi ở hiện nay: Nhà C, chung cư T, tổ B, phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Lê Quang T, sinh năm 1979

Nơi thường trú: số nhà X, đường H, tổ Y, phường T, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, nơi công tác: Phòng kinh doanh, Công ty Đ

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Xác định anh Lê Quang T, sinh năm 1979, Số căn cước công dân số 019079001xxx do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021, quê quán: MD, HN, nơi thường trú, tổ Y, phường T, TPTN là cha đẻ của cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 05/9/2016 theo Giấy khai sinh số 74 do Ủy ban nhân dân thị trấn H cấp ngày 17/10/2016.

2.2) Chị Trần Thị Hồng N và anh Lê Quang T có các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với cháu Trần Ngọc H theo quy định của pháp luật.

2.3) Chi phí tố tụng: Đã thỏa thuận thực hiện xong, Tòa án không giải quyết.

2.4) Về án phí: Chị Trần Thị Hồng N được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Lê Quang T phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**Chu Thị Bích Hiền**